

Số: 53 /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 14 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ chi tiết một số nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Xét Tờ trình số 3221/TTr-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết một số nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh; Báo cáo thẩm tra số 532/BC-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến tham gia của đại biểu tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ chi tiết một số nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh, cụ thể:

1. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

1.1. Kế hoạch vốn ngân sách địa phương

Phân bổ số kinh phí 7.500 triệu đồng để thực hiện 01 dự án khởi công mới năm 2021 (Công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh).

1.2. Kế hoạch vốn ngân sách trung ương

- Phân bổ số kinh phí 23.202 triệu đồng để thực hiện 02 dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021.

- Phân bổ số kinh phí 1.600 triệu đồng để thực hiện 10 dự án khởi công mới năm 2021 đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021.

- Phân bổ số kinh phí 113.000 triệu đồng để thực hiện 04 dự án khởi công mới năm 2021 thuộc đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (*Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ*).

(Chi tiết theo biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

Điều chỉnh 36.311,579 triệu đồng kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2021 từ các dự án không có khả năng giải ngân, vốn chuẩn bị đầu tư để bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án đã phê duyệt quyết toán, dự án chuyển tiếp có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn và dự án khởi công mới năm 2021 (*Chi tiết theo biểu số 02 kèm theo*).

3. Bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh và phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp chưa phân bổ chi tiết

3.1. Bổ sung số kinh phí 6.041 triệu đồng cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các huyện, thành phố để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021, từ nguồn kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 02/8/2021 (*Chi tiết theo biểu số 03 kèm theo*).

3.2. Bổ sung số kinh phí 20.000 triệu đồng cho Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn trong năm 2021, từ nguồn kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1368/QĐ-TTg ngày 28/7/2021.

3.3. Bổ sung số kinh phí 2.820 triệu đồng cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách phát sinh năm 2021, trong đó 667 triệu đồng từ nguồn kinh phí tại các đơn vị dự toán khối tỉnh và 2.153 triệu đồng từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021 (*Chi tiết theo biểu số 04 kèm theo*).

3.4. Bổ sung số kinh phí 24.692 triệu đồng cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện thành phố để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2021, từ nguồn dư dự toán, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021 (*Chi tiết theo biểu số 05 kèm theo*).

3.5. Bổ sung số kinh phí 2.000 triệu đồng cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh để thực hiện phương án giải phóng mặt bằng dự án Thao trường bắn, trung tâm huấn luyện của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh từ nguồn dư dự toán vốn đầu tư cân đối ngân sách địa phương.

3.6. Phân bổ số kinh phí 1.870 triệu đồng cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện chính sách hỗ trợ sản phẩm OCOP năm 2021 (*Hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng các cấp; hỗ trợ chi phí thiết kế, in, mua bao bì, nhãn mác sản phẩm; thưởng cho chủ thể tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm đạt từ 03 sao trở lên*) từ nguồn kinh phí chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện.

Đối với số kinh phí 113.000 triệu đồng để thực hiện 04 dự án khởi công mới năm 2021 thuộc đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La, UBND tỉnh giao kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư để triển khai thực hiện khi có Quyết định giao chi tiết của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ



PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: **53** /NQ-HĐND ngày **14** /10/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế kế hoạch vốn đến hết năm 2020	Phân bổ kế hoạch vốn 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
	TỔNG SỐ						145.302		
A	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						7.500		
	Công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh	TP Lai Châu	2021-2023	264/17.9.2021	33.000		7.500	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu	
B	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG						137.802		
I	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						23.202		
	<i>Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>								
1	Kè chống xói lở bờ suối Hoàng Hồ, bảo vệ khu dân cư và đất nông nghiệp thị trấn Sin Hồ	Sin Hồ	2020-2023	1364/23.9.20	120.000	20.000	15.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Sắp xếp, ổn định các điểm dân cư: Mò Lò, Sa Thành xã Mù Cạ, điểm Nậm Kha Á, Pà Khà, U Na 1-2, Tia Ma Mù, Pa Tét xã Tà Tổng, huyện Mường Tè	Mường Tè	2020-2023	1734/4.12.20	164.000	15.000	7.702	Ban Quản lý công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	
II	Các dự án khởi công mới năm 2021						1.600		
a	Thể dục, thể thao								
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	2021-2024	1286/1.10.2021	190.000		200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
b	Khu công nghiệp và khu kinh tế								
2	Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Phong Thổ	2021-2024	1290/1.10.2021	200.000		250	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
c	Giao thông								
3	Nâng cấp đường tỉnh 133 đoạn Km0-Km21, huyện Tân Uyên	Tân Uyên	2021-2024	1295/1.10.2021	270.000		350	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	
4	Nâng cấp đường Mường Kim - Tà Mung gắn với đường sản xuất khu Nà Phạ xã Mường Kim	Than Uyên	2021-2024	1028/6.8.2021	80.000		100	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	
5	Nâng cấp đường tuần tra biên giới Cửa khẩu Ma Lù Thàng - Lũng Than - Vàng Ma Chải	Phong Thổ	2021-2024	992/30.7.2021	90.000		100	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	
6	Nâng cấp đường Mỏ Sì San - Sì Lờ Lầu, huyện Phong Thổ	Phong Thổ	2021-2024	1027/6.8.2021	80.000		100	Ban QLDA huyện Phong Thổ	
7	Nâng cấp đường giao thông Nậm Lăn- Mốc 17, huyện Mường Tè	Mường Tè	2021-2024	997/30.7.2021	190.000		200	Ban Quản lý công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	
8	Nâng cấp đường Lao Lử Đề - Nậm Tăm, huyện Sin Hồ	Sin Hồ	2021-2024	1303/04.10.2021	80.000		100	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sin Hồ	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế kế hoạch vốn đến hết năm 2020	Phân bổ kế hoạch vốn 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
9	Đường liên xã Khun Há - Bản Bo, huyện Tam Đường	Tam Đường	2021-2024	1026/6.8.2021	80.000		100	Ban QLDA huyện Tam Đường	
d	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội								
10	Trung tâm hội nghị văn hóa huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn	2021-2024	933/21.7.2021	50.000		100	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	
III	Đề án ổn định dân cư, phát triển KTXH vùng TĐC thủy điện Lai Châu (quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018)								
a	Lĩnh vực giao thông								
1	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm TĐC các xã: Nậm Cha, Cấn Co, Noong Hèo, Nậm Mạ huyện Sìn Hồ	Sìn Hồ	2021-2024	1241/24.9.2021	150.000		30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm TĐC các xã: Nậm Cha, Nậm Hăn, Nậm Mạ huyện Sìn Hồ	Sìn Hồ	2021-2024	1280/1.10.2021	183.000		36.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	
3	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm TĐC các xã: Cấn Co, Lùng Thàng, Pa Khóa, Noong Hèo, Nậm Cuối huyện Sìn Hồ; các xã: Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Mạnh huyện Nậm Nhùn; Thị trấn Tam Đường huyện Tam Đường; Thị trấn Phong thổ huyện Phong Thổ	Sìn Hồ; Tam Đường, Nậm Nhùn, Phong Thổ	2021-2024	1281/1.10.2021	147.000		29.500		
	<i>Các hạng mục: Kè + rãnh thoát nước điểm tái định cư Nà Cuối; Đường Nậm Pành - Nậm Cuối - Chăm Đanh huyện Sìn Hồ; Hạng mục Kè + rãnh thoát nước thuộc công trình mặt bằng điểm tái định cư Chăm Đanh xã Cấn Co; Mặt đường, Rãnh xây đá hộc Mặt bằng số 1,2 và 3 điểm tái định cư Lùng Cù; Mặt đường nội bộ rãnh thoát nước điểm dân cư số 1 khu tái định cư Pa khóa; Mặt đường nội bộ rãnh thoát nước và môi trường điểm dân cư số 2 khu tái định cư Pa Khóa; Đường Noong Hèo-Nậm Coóng-Nậm Cuối.</i>				65.000		13.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	
	<i>Hạng mục: Giao thông nội đồng tái định cư thị trấn Tam Đường</i>				4.500		1.000	Ban QLDA huyện Tam Đường	
	<i>Các hạng mục: Hệ thống rãnh thoát nước & môi trường điểm tái định cư Huổi Luông; Đường giao thông điểm tái định cư Huổi Luông</i>				14.000		2.800	Ban QLDA huyện Phong Thổ	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế kế hoạch vốn đến hết năm 2020	Phân bổ kế hoạch vốn 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
	Các hạng mục: Đường sông Đà Nậm Manh (giai đoạn I); Mặt đường nội bộ, rãnh thoát nước và môi trường điểm dân cư số 1 (điểm tái định cư Bàn Chợ); Mặt đường nội bộ, rãnh thoát nước và môi trường điểm dân cư số 2 (Chiềng Nê); Mặt đường nội bộ, rãnh thoát nước và môi trường điểm dân cư số 3 (Ten Co Mùn); Mặt đường nội bộ, rãnh thoát nước và môi trường điểm tái định cư Ten Co Mùn (Giai đoạn II); Đường Nậm Đoong - Pú Dao; Đường giao thông nội đồng Ten Co Mùn-Nậm Phi; Mặt đường giao thông nội bộ, thoát nước và môi trường điểm tái định cư Phiềng Luông; Đường giao thông nội đồng (nhánh 4: điểm tái định cư Nậm Hàng); Đường giao thông nội đồng (nhánh 3: điểm tái định cư Nậm Hàng; nhánh 5: điểm tái định cư Phiềng Pa Kéo; nhánh 6: điểm tái định cư Phiềng Luông); Đường nội bộ và mặt bằng điểm tái định cư Nậm Ty; Rải mặt đường và kiên cố hệ thống thoát nước môi trường điểm tái định cư Nậm Manh				63.500		12.700	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	
b	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								
4	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt thuộc các khu, điểm TĐC các xã: Nậm Hăn, Nậm Mạ, Pa Khoá, Nậm Cha, Nậm Tăm, Tủa Sín Chải huyện Sìn Hồ; các xã: Nậm Manh, Nậm Hàng, Lê Lợi huyện Nậm Nhùn; Thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ	Sìn Hồ; Nậm Nhùn, Phong Thổ		1282/1.10.2021	86.000		17.000		
	Các hạng mục: Nước sinh hoạt bản Huổi Lá cụm điểm dân cư Huổi Pha; Nước sinh hoạt số 01 (giai đoạn I) khu tái định cư Nậm Mạ; Nước sinh hoạt cho điểm dân cư số 1,2,3 khu tái định cư Pa Khoá; Nước sinh hoạt cụm điểm Chiềng Lông khu tái định cư Nậm Cha; Nước sinh hoạt số 02 khu tái định cư Nậm Mạ; Nước sinh hoạt điểm dân cư Phiềng ót; Nước sinh hoạt bản Thành Chừ				62.500		12.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	
	Các hạng mục: Thủy Lợi Nậm Manh; Nước sinh hoạt điểm dân cư số 3 (Ten Co Mùn); Nước sinh hoạt điểm TĐC Ten Co Mùn (giai đoạn II); Nước sinh hoạt điểm tái định cư Nậm Ty; Nước sinh hoạt điểm tái định cư Nậm Manh; Nước sinh hoạt điểm dân cư số 1 (Bàn Chợ); Nước sinh hoạt điểm dân cư số 2 (điểm tái định cư Chiềng Lê)				20.500		4.000	Ban QLDA các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn	
	Hạng mục: Thủy lợi Nậm Hang				3.000		600	Ban QLDA huyện Phong Thổ	



PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số: **53** /NQ-HĐND ngày **14** /10/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn được giao năm 2021	Giải ngân kế hoạch 2021 đến thời điểm báo cáo	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Phương án điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		
A	Nguồn vốn Chi xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước			93.389,975	45.798,524	45.091,451	28.388,451	28.388,451	93.389,975		
I	Danh mục dự án điều chỉnh giảm			80.234,975	42.098,524	38.136,451	28.388,451	-	51.846,524		
1	Vốn chuẩn bị đầu tư			10.000,000		10.000,000	10.000,000				
2	Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	1394/30.9.2020	40.410	31.773,000	16.441,000	15.332,000	11.858,000		19.915,000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Thao trường kỹ chiến thuật tổng hợp của Bộ CHQS tỉnh Lai Châu	1394/29.10.2014	29.000	2.900,000	2.562,375	337,625	337,625		2.562,375	Bộ CHQS tỉnh Lai Châu	Hoàn ứng NSĐP
4	Trang trại chăn nuôi lợn kết hợp thủy sản và trồng cây ăn quả lâu năm			1.129,000	1.030,000	99,000	99,000		1.030,000	Công ty TNHH một thành viên Khánh Hòa	Hoàn ứng NSĐP
5	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến Chè chất lượng cao			975,000	945,000	30,000	30,000		945,000	Công ty TNHH chè Hồng Đức	Hoàn ứng NSĐP
7	Đường giao thông đến bản Là Pê 1,2 xã Tá Bạ	50/31.03.2016	55.000	2.941,091	2.771,338	169,753	169,753		2.771,338	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	Dự án đã QT (Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 30/6/2020)
8	Trụ sở xã Tá Bạ, huyện Mường Tè	30/30.03.2016	7.800	921,000	-	921,000	921,000		-	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	Dự án đã QT (Quyết định số 141/QĐ-STC ngày 26/6/2020)
9	Nhà ở công nhân công ty cổ phần cao su Lai Châu khu vực các xã Ma Quai, Nậm Tăm, Nậm Cha huyện Sìn Hồ (giai đoạn I)	511/28.4.2009	4.831	146,074	143,346	2,728	2,728		143,346	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Dự án đã QT (Quyết định số 219/QĐ-STC ngày 06/10/2020)
10	Hồ thủy lợi và nuôi trồng thủy sản Cò Lá huyện Tam Đường	1369/29.10.2014	29.000	1.806,280	1.802,280	4,000	4,000		1.802,280	Ban QLDA huyện Tam Đường	Dự án đã QT (Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 13/5/2020)

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn được giao năm 2021	Giải ngân kế hoạch 2021 đến thời điểm báo cáo	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Phương án điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		
11	Kiên cố hóa kênh mương cánh đồng Bình Lư và cánh đồng Nà Tầm huyện Tam Đường	1279/25.10.2012, 2099A/26.9.2013	86.000	3.153,530	3.124,127	29,403	29,403		3.124,127	Ban QLDA huyện Tam Đường	Dự án đã QT (Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 22/6/2020)
12	Đường đến trung tâm xã Tung Qua Lìn, huyện Phong Thổ	1243/25.10.2012	13.000	1.300,000	1.158,000	142,000	135,000		1.165,000	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng
13	Cấp nước sinh hoạt xã Vàng Ma Chải	1393/30.10.2019	13.500	6.707,000	300,000	6.407,000	1.648,000		5.059,000	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Hết nhu cầu
14	Cấp nước sinh hoạt xã Mù Sang	1394/30.10.2019	12.500	6.273,000	2.830,000	3.443,000	1.935,000		4.338,000	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Hết nhu cầu
15	Hạ tầng kỹ thuật và cải tạo mặt bằng Bàn Văn Hóa xã Mường So	57/31.3.2016	14.980	3.670,000	3.180,000	490,000	490,000		3.180,000	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2021
16	Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất, thành phố Lai Châu (Tuyến số 1, tuyến số 3 và tuyến nối QL4D đến nhà máy gạch tuynel cũ)	56/31.3.2016	14.500	3.540,000	2.877,058	662,942	662,942		2.877,058	Ban QLDA Thành phố Lai Châu	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2021
17	Trạm kiểm soát liên ngành xã Mù Cạ	1412/31.10.2019	5.000	3.000,000	2.934,000	66,000	66,000		2.934,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án hoàn thành, hết nhu cầu
II	Danh mục dự án đề nghị điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 2021		912.738	13.155,000	3.700,000	6.955,000	-	28.388,451	41.543,451		
1	Sân vận động huyện Mường Tè	1296/30.10.2013	23.000	-	-	-	402,000		402,000	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	Dự án đã QT (Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 26/4/2021)
2	Cải tạo Ao cá Bác Hồ	1372/29.10.2014	42.000	-	-	-	264,394		264,394	Ban QLDA thành phố Lai Châu	Dự án đã QT (Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 05/01/2021)
3	Thủy lợi Ma Sao Phìn xã Khun Há	747/27.6.2011	28.000	-	-	-	709,516		709,516	Ban QLDA huyện Tam Đường	Dự án đã QT (Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 14/12/2020)



STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn được giao năm 2021	Giải ngân kế hoạch 2021 đến thời điểm báo cáo	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Phương án điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		
4	Thủy lợi Hồ Thầu xã Hồ Thầu	1703/30.12.2011	24.600	-	-	-	98,857	98,857	Ban QLDA huyện Tam Đường	Dự án đã QT (Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 17/12/2020)	
5	Kinh phí GPMB thực hiện dự án xử lý điểm đen tại Km 38+500/QL4D tỉnh Lai Châu	96/14.02.2017	2.269	-	-	-	268,870	268,870		Bổ sung ngân sách thành phố; Dự án đã QT	
6	Hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	143/31.10.2016	65.000	3.700,000	3.700,000	-	4.353,000	8.053,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đã QT (Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 07/6/2021)	
7	Đường trung tâm xã Hồ Mít -Suối Lỉnh A -Bản Lầu -Bản Thào A -Thào B – Bản K2, huyện Tân Uyên (Giai đoạn I)	136/31.10.2016	50.000	2.500,000			3.649,628	6.149,628	BQLDA xây dựng cơ bản và hỗ trợ bồi thường di dân tái định cư huyện Tân Uyên	Dự án đã QT (Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 23/8/2021)	
8	Trụ sở làm việc Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Lai Châu	126/28.10.2016	14.900				601,830	601,830	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Dự án đã QT (Quyết định số 1142/QĐ-UBND-UBND ngày 30/8/2021)	
9	Kè bảo vệ khu dân cư, đất nông nghiệp suối Nậm Bốn, xã Hua Nà, huyện Than Uyên	939/29.8.2017; 840/01.8.2019	90.000				1.392,719	1.392,719	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Than Uyên	Dự án đã QT (Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 23/4/2021)	
10	Đường từ thị trấn Mường Tè đến Nậm Nhọ huyện Mường Tè	689/16.6.2011	149.000				4.918,000	4.918,000	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	Dự án đã QT (Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 12/4/2021)	
11	Đường nối QL 279 đến trung tâm xã Hua Nà huyện Than Uyên	1311/30.10.2013; 923/13.8.2014; 1141/07.9.2016	75.000				412,318	412,318	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Dự án đã QT (Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 03/02/2021)	
12	Trường mầm non Hoa Sen (phần hiệu 2) TP Lai Châu	1308/27.11.2017	11.660	-	-	-	320,672	320,672	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Dự án đã QT (Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 31/12/2020)	

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn được giao năm 2021	Giải ngân kế hoạch 2021 đến thời điểm báo cáo	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Phương án điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		
13	Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên	115/28.10.2016	10.000					336,386	336,386	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	Dự án đã QT (Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 18/8/2021)
14	Nâng cấp đường từ Hang É đến trung tâm xã Mồ Sì San huyện Phong Thổ	1392/29.10.2014	17.000					109,828	109,828	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Dự án đã QT (1123/QĐ-UBND ngày 24/8/2021)
15	San gạt mặt bằng khu trung tâm hành chính huyện Tân Uyên	843/30.6.2010	159.104					108,338	108,338	BQLDA xây dựng cơ bản và hỗ trợ bồi thường di dân tái định cư huyện Tân Uyên	Dự án đã QT (Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 26/8/2021)
16	Trụ sở thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	123/28.10.2016	5.800					257,352	257,352	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	Dự án đã QT (Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 26/8/2021)
17	Đường giao thông Cao Chải -Xé Ma, xã Tà Tổng, huyện Mường Tè	1330/31.10.2013	26.000					282,523	282,523	Ban QL công trình dự án phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Tè	Dự án đã QT (Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 31/8/2021)
18	Kè chống sạt lở bờ tả suối Nậm So, huyện Phong Thổ (Đoạn qua thị trấn Phong Thổ)	1284/12.10.2010	22.000					480,000	480,000	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Dự án đã QT (Quyết định số Kè chống sạt lở bờ tả suối Nậm So huyện Phong Thổ)
19	Thủy lợi Nậm Xe xã Nậm Xe	1299/30.10.2013; 1251/30.10.2015	53.505	6.955,000		6.955,000		980,000	7.935,000	Ban QLDA huyện Phong Thổ	Dự kiến hoàn thành năm 2021
20	Kè bảo vệ các vị trí xung yếu bờ suối Nậm Be, huyện Tam Đường	1365/23.9.2020	43.900					8.442,220	8.442,220	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đang thi công, dự kiến hoàn thành năm 2022
B	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		142.127	12.894,484	4.846,451	8.048,033	7.923,128	7.923,128	12.894,484		
I	Danh mục dự án điều chỉnh giảm		101.300	12.894,484	4.846,451	8.048,033	7.923,128	-	4.971,356		
1	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh	146/31.10.2016	45.000	6.939,000		6.939,000		6.939,000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Dừng không tiếp tục thực hiện GDII



STT	Đanh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn được giao năm 2021	Giải ngân kế hoạch 2021 đến thời điểm báo cáo	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Phương án điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		
2	Trường trung học phổ thông Đào San huyện Phong Thổ	1344/31.10.2018	8.100	2.100,000	1.502,635	597,365	560,000		1.540,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Đối ứng ODA
3	Trường trung học phổ thông huyện Sin Hồ	1343/31.10.2018	12.500	3.500,000	3.273,000	227,000	140,000		3.360,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Đối ứng ODA
4	Trường Mầm non số 2 thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	202/10.3.2015	4.500	182,698		182,698	182,698		-	BQLDA xây dựng cơ bản và hỗ trợ bồi thường di dân tái định cư huyện Tân Uyên	
5	Nhà lớp học bộ môn, các hạng mục phụ trợ Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Than Uyên	1340/27.10.2014	9.200	111,712	14,127	97,585	97,045		14,667	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Dự án đã QT (Quyết định số 59/QĐ-STC ngày 20/3/2020)
6	Trường THPT Mường Than (giai đoạn II), huyện Than Uyên	1193/12.10.2011	22.000	61,074	56,689	4,385	4,385		56,689	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Dự án đã QT (Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 27/4/2020)
II	Đanh mục dự án đề nghị điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 2021		40.827	-	-	-	-	7.923,128	7.923,128		
1	Tu sửa nâng cấp các trạm y tế xã huyện Tam Đường	1323/20.10.2018	6.667	-	-	-	-	588,921	588,921	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Dự án đã QT (Quyết định số 318/QĐ-STC ngày 29/12/2020)
2	Trường mầm non Hoa Sen (phân hiệu 2) TP Lai Châu	1308/27.11.2017	11.660	-	-	-	-	395,207	395,207	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Dự án đã QT (Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 31/12/2020)
3	Trường phổ thông DTBT THCS và Trường phổ thông DTBT Tiểu học xã Nậm Ban, huyện Nậm Nhùn	1230/22.9.2021	22.500					6.939,000	6.939,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	



**BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021
CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH VÀ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số: **53** /NQ-HĐND ngày **14** /10/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Tổng số	Sở Nông nghiệp và PTNT	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Huyện Tam Đường	Thành phố Lai Châu	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè
	Tổng cộng	6.041	1.110	970	921	970	370	410	410	310	570
I	Kinh phí Ban chỉ đạo các huyện, thành phố	91		10	21	10	10	10	10	10	10
II	Kinh phí tuyên truyền, tập huấn	710	710								
-	Kinh phí tuyên truyền	410	410								
-	Kinh phí tập huấn	300	300								
III	Chương trình OCOP cấp tỉnh	400	400								
-	Hội nghị đánh giá phân hạng sản phẩm và công bố trao giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh	150	150								
-	Kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ các huyện thực hiện Chương trình OCOP	100	100								
-	Xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm	150	150								
IV	Chi thực hiện Chương trình tại các huyện, thành phố	4.840		960	900	960	360	400	400	300	560

Ghi chú:

- Kinh phí tập huấn, tuyên truyền: 710 triệu đồng.**
 - **Tuyên truyền thông qua phối hợp với các đơn vị trong tỉnh là 410 triệu, bao gồm:** MTTQ Việt Nam tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội người cao tuổi, Ban Dân vận, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, BCH biên phòng tỉnh (mỗi đơn vị 20 triệu đồng); Sở Tư pháp; Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy, Công an tỉnh (mỗi đơn vị 50 triệu đồng); Đài Truyền hình tỉnh, Báo Lai Châu (mỗi đơn vị 40 triệu đồng).
 - **Kinh phí tập huấn 300 triệu đồng:** Tập huấn Chương trình xây dựng nông thôn mới và OCOP giai đoạn 2021-2025.
- Chi thực hiện Chương trình tại các huyện, thành phố: 4.840 triệu đồng:** Kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 là 1.040 triệu đồng, gồm: 4 xã (*xã Sùng Phài, thành phố; xã Pha Mu, huyện Than Uyên; xã Can Hồ, huyện Mường Tè; xã Khun Há, huyện Tam Đường*: 260 triệu đồng); các xã đạt chuẩn nông thôn mới đã được công nhận giai đoạn 2010-2020 là 3.800 triệu đồng, gồm: 38 xã (*huyện Tam Đường 7 xã; huyện Tân Uyên 9 xã; huyện Than Uyên 7 xã; Thành Phố 1 xã; huyện Phong Thổ 4 xã; huyện Sìn Hồ 4 xã; huyện Nậm Nhùn 3 xã; huyện Mường Tè 3 xã*). Các huyện, thành phố thực hiện các nội dung: Hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt hoặc đã đạt nhưng vẫn còn thấp của các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 và các xã đạt chuẩn được công nhận; Ưu tiên các tiêu chí về môi trường; thu nhập; giảm nghèo...

Kinh phí giao cho các huyện thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố.

**BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH
CHO CÁC ĐƠN VỊ ĐU TOÀN KHỐI TỈNH VÀ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số **53**/NQ-HĐND ngày **14** /10/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng nhu cầu kinh phí	Kinh phí được sử dụng và bổ sung			Ghi chú
			Tổng cộng	Sử dụng từ nguồn kinh phí tại đơn vị	Số kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung	
	Tổng cộng	2.820	2.820	667	2.153	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	36	36	36	0	
-	Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP của Chính phủ	36	36	36	0	
2	Sở Giáo dục và đào tạo	592	592	592	0	
-	Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ	571	571	571	0	
-	Kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định số: 108/2014/NĐ-CP; số 113/2018/NĐ-CP; số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ (Bổ sung đợt 2 năm 2021)	21	21	21	0	Nghỉ hưu trước tuổi
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	39	39	39	0	
-	Kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định số: 108/2014/NĐ-CP; số 113/2018/NĐ-CP; số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ (Bổ sung đợt 2 năm 2021)	39	39	39	0	Nghỉ hưu trước tuổi
4	Kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định số: 108/2014/NĐ-CP; 113/2018/NĐ-CP; 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ (Bổ sung đợt 2 năm 2021)	2.153	2.153	0	2.153	Bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thành phố
-	Huyện Tam Đường	5	5		5	Nghỉ hưu trước tuổi
-	Huyện Sìn Hồ	171	171		171	Thôi việc ngay
-	Huyện Mường Tè	13	13		13	Nghỉ hưu trước tuổi
-	Huyện Than Uyên	1.412	1.412		1.412	Bao gồm: Nghỉ hưu trước tuổi: 1.096 triệu đồng; Thôi việc ngay: 316 triệu đồng
-	Huyện Tân Uyên	274	274		274	Nghỉ hưu trước tuổi
-	Thành phố Lai Châu	278	278		278	Nghỉ hưu trước tuổi

**BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH
CHO CÁC ĐƠN VỊ DƯ TOÁN KHỐI TỈNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số **52** /NQ-HĐND ngày **14** /10/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	24.692	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	197	
-	Kinh phí tổ chức hội nghị triển khai các Nghị quyết về chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	70	
-	Kinh phí vận hành, bảo trì các trạm đo mưa tự động phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh	85	
-	Kinh phí tổ chức hội nghị gặp gỡ các Doanh nghiệp, HTX trang trại, gia trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	42	
2	Sở Y tế	2.794	
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030	478	
-	Kinh phí xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	1.372	
-	Kinh phí thực hiện can thiệp điểm nóng dịch sốt rét tại huyện Mường Tè	145	
-	Bổ sung kinh phí tập huấn cấp giấy chứng nhận chuẩn đoán và điều trị cắt cơn nghiện ma túy	24	
-	Kinh phí hỗ trợ nhân lực y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 đợt 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương	775	
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	29	
-	Kinh phí tổ chức tọa đàm về xây dựng một số chính sách khuyến khích phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu	29	
4	Sở Ngoại vụ	110	
-	Kinh phí tổ chức hội nghị giao ban công tác ngoại vụ các tỉnh biên giới phía Bắc và Tổng kết công tác thi đua khen thưởng cụm thi đua số 1 - Bộ Ngoại giao năm 2021	65	
-	Kinh phí mua sắm bàn ghế, phương tiện làm việc	45	
5	Ban Dân tộc	62	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo Công văn số 916/UBND-KTN ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh	62	
6	Hội Luật gia	45	
-	Kinh phí mua sắm bàn ghế, phương tiện làm việc	45	
7	Thanh tra tỉnh	515	
-	Kinh phí mua sắm bàn ghế, phương tiện làm việc	45	
-	Kinh phí may trang phục thanh tra	20	
-	Kinh phí thực hiện thanh tra đột xuất	30	
-	Kinh phí trích thu hồi qua công tác thanh tra	420	
8	Hội nông dân	45	
-	Kinh phí mua sắm bàn ghế, phương tiện làm việc	45	
9	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	254	
-	Tuần hỗ trợ kết nối việc làm cho người lao động bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 tỉnh Lai Châu năm 2021	254	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
10	Sở Giao thông Vận tải	10.614	
-	Khắc phục hậu quả lụt bão, đảm bảo giao thông bước 2 đoạn Km 10 +300 đường tỉnh 128 (Chiềng Chăn - Sin Hồ)	3.000	
-	Bổ sung kinh phí trả nợ khối lượng đảm bảo giao thông khắc phục hậu quả mưa lũ năm 2020	7.614	
11	Cục Thuế tỉnh	500	
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ đọng thuế năm 2021	500	
12	Công an tỉnh	1.690	
-	Kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an ninh trật tự	1.690	
13	Sở Thông tin và Truyền thông	870	
-	Kinh phí xây dựng Hệ thống Khai báo, truy vết, khoanh vùng dịch Covid-19 tỉnh Lai Châu	870	
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	811	
-	Kinh phí xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương năm 2021	781	
-	Kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm thi hành Luật hợp tác xã năm 2012	30	
15	Công ty TNHH MTV Quản lý thủy nông Lai Châu	959	
-	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi còn thiếu năm 2020	959	
16	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn	5.197	Bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thành phố
-	Huyện Tam Đường	841	
-	Huyện Phong Thổ	708	
-	Huyện Sin Hồ	619	
-	Huyện Nậm Nhùn	347	
-	Huyện Mường Tè	726	
-	Huyện Than Uyên	1.100	
-	Huyện Tân Uyên	362	
-	Thành phố Lai Châu	494	